TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Tâm;

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn H, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; cư trú tại: khu phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh T, vắng mặt

- *Bị đơn*:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1995, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2000, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: ấp G, xã M, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/9/2022, ông Trần Văn H có ký hợp đồng mua bán nếp tươi với bà T với nội dung: ông H mua của vợ chồng bà T 600 tấn nếp với giá lên xe là 5.600 đồng/kg, các bên giao nhận lúa nếp từ ngày 25/10 đến 15/11/2022 âm lịch, bà T viết và ký tên vào hợp đồng. Ông H chuyển khoản tiền đặt cọc vào tài khoản số 050029569352 của bà T - ngân hàng Sacombank chi nhánh T vào các ngày 13/9/2022 và ngày 14/9/2022 tổng cộng 600.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2022 (tức ngày 29/9/2022 âm lịch), ông H có ký hợp đồng mua của vợ chồng bà T, ông T 500 tấn lúa giá bao vận chuyển đến nhà máy là 6.450 đồng/kg. Vợ chồng ông T, bà T viết giấy tay và ký tên. Ông H chuyển khoản vào tài khoản số 050029569352 - ngân hàng Sacombank chi nhánh T của bà T vào các ngày 23-9-2022 và ngày 24/10/2022 tổng cộng là 300.000.000 đồng. Nội dung giấy tay có sự sửa đổi số tiền từ "200" thành "300" lý do sau khi ông và bà T chốt xong số tiền cọc 200.000.000 đồng, bà T đề nghị cộng thêm vào 100.000.000 đồng tiền cọc ông đã chuyển khoản ngày 23-10-2022. Nên bà T tự mình sửa lại "số tiền nhận cọc 200.000.000 đồng" thành "số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng", ông H không yên tâm nên có kêu bà T viết thêm mấy chữ "ba trăm triệu" vào trong giấy nhận tiền.

Tuy nhiên, nếp và lúa chưa giao thì bà T chết. Ông T từ chối thực hiện nghĩa vụ giao lúa thay bà T. Tổng số tiền bà T đã nhận của ông là 900.000.000 đồng.

Ông H yêu cầu bà T trả số tiền đặt cọc mà ông đã chuyển khoản tuy nhiên do bà T đã chết, ông H yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là chồng và các con của bà T là ông T, chị Q, anh Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị Thanh T. Vợ ông tự liên lạc đứng ra giao dịch mua bán với khách hàng, ông và các con hoàn toàn không biết về việc làm ăn của bà T.

Ông thừa nhận chữ ký và viết họ tên Trần Thị Thanh T trong các hợp đồng nếp tươi ngày 12/9/2022 và giấy tay nhận tiền ngày 24/10/29/9AL là của vợ ông.

Đối với số tiền nhận cọc 300.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 24/10/29/9AL: ông thừa nhận vợ chồng ông có thỏa thuận nhận cọc của ông Trần Văn H số tiền 200.000.000 đồng, giao số lúa 500 tấn giá 6.450 đồng, nhận tiền ngày 24/10/2022, vợ ông là người viết nội dung trên vào giấy tay nhận tiền và vợ chồng ông cùng ký tên vào giấy này. Số tiền ông ký nhận là 200.000.000 đồng không phải

300.000.000 đồng như Giấy nhận cọc nguyên đơn cung cấp. Số tiền trong giấy đã bị sửa số "2" thành "3" và ghi thêm dòng chữ "ba trăm Triệu" phía dưới, số lúa này ông đã giao đủ cho ông H, tuy nhiên ông không yêu cầu giám định chữ viết hay bất cứ yêu cầu gì khác đối với giấy nhận tiền cọc này. Ông không có chứng cứ gì cung cấp cho tòa án do vợ ông chết đột ngột không để lại thông tin gì về việc mua bán làm ăn của bà.

Đối với các khoản nợ nguyên đơn trình bày ông hoàn toàn không biết và không có khả năng trả nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Việc làm ăn do mẹ của chị là bà T trực tiếp làm, chị có gia đình riêng, không biết gì về việc làm ăn của bà T. Chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do hiện không có khả năng trả số tiền nợ này.

Bị đơn – anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất ý kiến với ba và chị gái anh. Anh không biết gì về số tiền nợ này, do mẹ anh làm ăn một mình, không còn để lại giấy tờ gì nên anh không đồng ý với số tiền nợ ông H yêu cầu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 430, 615, 651 BLDS năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc Q, anh Nguyễn Văn Đ về "tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại":

Buộc ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc Q, anh Nguyễn Văn Đ liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 900.000.000 đồng trong đó chị Q, anh Đ chỉ có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền trong phạm vi di sản thừa kế của bà T để lại. Ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc Q, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông T và bà T là vợ chồng hợp pháp, có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Ngọc Q. Ngày 03/11/2023, bà T chết. Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2022 và các lời khai của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện nguyên đơn chỉ yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T là ông T, anh Đ, chị Q có nghĩa vụ trả nợ thay bà T. Căn cứ Điều 5, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự và giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự không phải "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: ông N, ông T, anh Đ và chị Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông T, anh Đ, chị Q có nghĩa vụ trả số tiền 900.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh H trình bày lúc còn sống bà T có nhận tiền đặt cọc mua lúa nếp của anh H, có viết, ký tên vào Giấy nhận tiền ngày 24/10/2022 và hợp đồng bán nếp tươi ngày 12/9/2022. Ông T, anh Đ, chị Q cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Giấy nhận tiền và Hợp đồng bán nếp tươi nêu trên là của bà T nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định việc thỏa thuận mua bán giữa các bên là có thật.

Tuy nhiên, ông T, anh Đ và chị Q không đồng ý trả tiền do không biết về số tiền này và không có khả năng trả. Ông T cho rằng giấy đặt cọc tiền có sửa số tiền từ "200" triệu đồng thành "300" triệu đồng và ông đã giao đủ lúa cho ông H nhưng ngoài lời trình bày của mình ông không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh. Xét thấy, Giấy nhận tiền và hợp đồng bán nếp tươi thể hiện số tiền các bên thỏa thuận đặt cọc trước nhưng phương thức giao nhận tiền thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà T, không phải giao nhận tiền trực tiếp với nhau. Tại bản sao kê giao dịch ngân hàng số tài khoản 050029569352 của bà T – mở tại Sacombank phòng giao dịch T có xác nhận của ngân hàng Sacombank (các bút lục 43 - 50) thể hiện:

Ngày 13/9/2022, ông H có chuyển khoản cho bà T 02 lần, số tiền giao dịch 150.000.000 đồng và 350.000.000 đồng;

Ngày 14/9/2022, ông H có chuyển khoản cho bà T 01 lần, số tiền 100.000.000 đồng;

Ngày 23/10/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 01 lần, số tiền 100.000.000 đồng;

Ngày 24/10/2022, ông H chuyển khoản cho bà T 01 lần, số tiền 200.000.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở xác định bà T có nhận đặt cọc của ông H tổng số tiền 900.000.000 đồng, phù hợp với số tiền ghi nhận trong các giấy tay mua bán.

Tại biên bản xác minh (bút lục 42) thể hiện hàng thừa kế thứ nhất của bà T theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự gồm: mẹ ruột là bà Dương Thị Kim H, sinh năm 1958, đã chết năm 2003; ba ruột là ông Trần Văn M, sinh năm 1955, đã chết năm 2010; chồng là ông Nguyễn Văn T và 02 người con là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Ngọc Q. Nên ông H yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T là ông T, anh Đ và chị Q có trách nhiệm trả số tiền trên là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, căn cứ Điều 328, Điều 430, Điều 615, Điều 651 của Bộ luật Dân sự, cần buộc ông T, anh Đ và chị Q có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 900.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của bà T để lại, ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Biên là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông T, anh Đ và chị Q phải chịu 39.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản thừa kế của bà T để lại.

- Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 328, Điều 430, Điều 615, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với ông Nguyễn Văn Thành, anh Nguyễn Văn Đô và chị Nguyễn Thị Ngọc Quyên về việc "thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Buộc ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Thị Thanh T để lại. Ghi nhận ông H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc Q không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T, anh Đ và chị Q còn phải trả cho ông H tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trong phạm vi di sản thừa kế của bà T để lại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Thị Thanh T để lại.

Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004180 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Oanh Kiều